

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v: "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Trung

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2024/QĐ-HPT ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ánh N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 278, khu D, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Nhật Minh C**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2024).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Số B, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Khu A, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông **C** xin vắng mặt, bà **L** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện nguyên đơn ông **Nguyễn Nhật Minh C** trình bày:

Vào ngày 10/01/2024 bà **Trần Thị Ánh N** có cho bà **Trần Thị Thanh L** vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) bằng hình

thức chuyển vào tài khoản số 9901666788 – Ngân hàng TMCP N1 chủ tài khoản Trần Thị Thanh L. Cụ thể lần thứ nhất chuyển khoản 360.000đồng, lần thứ 2 chuyển khoản 359.640.000đồng. Hai bên thỏa thuận 01 tháng thì tra. Vì có mối quan hệ họ hàng (bà L là chị họ của bà N) nên không viết giấy vay tiền. Vào ngày 08/02/2024, bà L đã trả lại cho bà N số tiền là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận miệng sau 02 tuần kể từ ngày 08/02/2024 bà L sẽ trả đủ cho bà N. Tuy nhiên đến ngày 19/02/2024, bà L chỉ trả tiếp cho bà N được số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) rồi không trả nữa. Như vậy, tổng cộng cả hai lần bà L đã trả cho bà N số tiền 168.000.000đồng. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số nợ còn lại nhưng bà L chỉ hứa hẹn, cam kết trả nợ mà không thực hiện. Vì bà N đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nhưng bà L chỉ hứa hẹn mà không trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Trần Thị Ánh N số tiền gốc là 192.000.000đồng và tiền lãi của số tiền 192.000.00đồng từ ngày 10/01/2024 đến ngày 23/7/2024 là 9.120.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 201.120.000đồng (Hai trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Bà N không yêu cầu bà L trả tiền lãi đối với số tiền gốc 168.000.000đồng đã trả.

Tại bản tự khai bị đơn bà Trần Thị Thanh L trình bày:

Bà L thừa nhận vào ngày 10/01/2024 bà có vay của bà N số tiền 360.000.000đồng bằng hình thức nhận chuyển vào tài khoản số 9901666788 – Ngân hàng TMCP N1 02 lần. Lần thứ nhất bà N chuyển khoản nhằm 360.000đồng, lần thứ 2 chuyển khoản 359.640.000đồng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn trả là khi nào vay được khoản vay mới bà sẽ trả cho bà N, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 08/02/2024, bà đã trả lại cho bà N số tiền là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ngày 19/02/2024, bà trả tiếp cho bà N 8.000.000đồng. Tổng cộng cả hai lần bà đã trả cho bà N số tiền 168.000.000đồng rồi bà không trả thêm khoản tiền nào khác cho bà N. Bà xác định hiện bà còn nợ bà N 192.000.000đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 192.000.000đồng và tiền lãi của số tiền 192.000.00đồng từ ngày 10/01/2024 đến ngày 23/7/2024 thì bà không đồng ý trả cho bà N. Lý do bà không đồng ý trả nợ cho bà N là vì hiện bà N vẫn còn nợ bà khoản tiền gần 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) khi hai chị em cùng làm ăn chung nên trên thực tế bà N vẫn còn nợ tiền của bà. Tòa án có hướng dẫn bà nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và cung cấp chứng cứ đối với khoản vay này có liên quan đến khoản vay 360.000.000đồng bà đã vay của bà N nhưng do bận công việc nên bà không có thời gian để thu thập chứng cứ nộp cho Tòa án. Sau này nếu thu thập được khoản vay này bà L sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất có nhận được đơn đề nghị Tòa án gia hạn thời gian của bà L, theo đơn bà L đề nghị tòa án gia hạn thời gian cho bà thu thập chứng cứ để bà nộp cho tòa án và rút đơn xin vắng mặt.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được

thực hiện đúng quy định. Bị đơn bà **Trần Thị Thanh L** không chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là bà **Trần Thị Thanh L** phải trả cho bà **Trần Thị Ánh N** số tiền là 201.120.000đồng (*Hai trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó gốc là 192.000.000đồng và tiền lãi là số tiền gốc là 9.120.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà **N** khởi kiện yêu cầu bà **L** trả lại số tiền đã vay ngày 10/01/2024 mà các bên đã ký nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, bà **Trần Thị Ánh N** là nguyên đơn; bà **Trần Thị Thanh L** là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà **Trần Thị Thanh L** có đăng ký hộ khẩu số 254, **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất .

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bà **L** vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[4.1] Đối với số tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào lời khai của bà **N** và xác nhận của bà **L** và các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định vào ngày 10/01/2024 bà **Trần Thị Ánh N** có cho bà **Trần Thị Thanh L** vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 360.000.000đ (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*) bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 9901666788 – **Ngân hàng TMCP N1** chủ tài khoản **Trần Thị Thanh L**. Cụ thể lần thứ nhất chuyển khoản 360đồng, lần thứ 2 chuyển khoản 359.640.000đồng. Hai bên thỏa thuận 01 tháng thì trả. Vào ngày 08/02/2024, bà **L** đã trả lại cho bà **N** số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Số tiền còn lại là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) hai bên thỏa thuận miệng sau 02 tuần kể từ ngày 08/02/2024 bà **L** sẽ trả đủ cho bà **N**. Tuy nhiên đến ngày 19/02/2024, bà **L** chỉ trả tiếp cho bà **N** được số tiền 8.000.000đồng (*Tám triệu đồng*) rồi không trả nữa. Như vậy, căn cứ vào số tiền bà **N** đã chuyển khoản vào tài khoản số 9901666788 – **Ngân hàng TMCP N1** chủ tài khoản **Trần Thị Thanh L** và xác nhận của bà **L** thời gian vay tiền cho đến thời điểm xét xử thì bà **L** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do vậy, việc bà **N** yêu cầu buộc bà **L** phải trả số tiền gốc 192.000.000đồng là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có giải thích và ấn định thời gian để bà L nộp đơn yêu cầu, cung cấp chứng cứ về khoản vay liên quan nhưng bà L vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 209 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu gia hạn của bà L. Trong trường hợp bà L có chứng cứ chứng minh về việc bà N có vay tiền thì bà phải nộp đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

[4.2] Đối với yêu cầu lãi suất: Theo bà N trình bày mặc dù hai bên không viết giấy vay và thỏa thuận trả lãi nhưng các bên có thỏa thuận bằng miệng trả lãi nên bà yêu cầu trả trả lãi từ ngày 10/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài lời trình bày bà N không cung cấp được chứng cứ bị đơn thừa nhận trả lãi nên không có cơ sở xác định các bên có thỏa thuận trả lãi. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định đây là hợp đồng vay không có lãi có kỳ hạn. Thời gian tính lãi trong hạn từ ngày 10/01/2024 đến ngày 23/7/2024 là 06 tháng 10 ngày, cụ thể: $192.000.000\text{đồng} \times 9\%/năm \times 6\text{ tháng } 10\text{ ngày} = 9.120.000\text{đồng}$.

Từ nhận định trên, căn cứ theo qui định tại Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Ánh N. Buộc bị đơn là bà Trần Thị Thanh L phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 201.120.000đồng (*Hai trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 192.000.000đồng và tiền nợ lãi là 9.120.000đồng.

[5] Về án phí DSST: Bà Trần Thị Thanh L phải chịu 10.056.000đồng án phí; Bà Trần Thị Ánh N được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 203, Điều 207, Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N.

Buộc bà Trần Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ánh N tổng số tiền 201.120.000đồng (*Hai trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó gốc là 192.000.000đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu triệu đồng*) và tiền lãi là 9.120.000đồng (*Chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí DSST:

Bà **Trần Thị Thanh L** phải chịu 10.056.000đồng án phí (*Mười triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Bà **Trần Thị Ánh N** được nhận lại số tiền 5000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tạm ứng án phí bà đã nộp tại Biên lai thu số 0007800 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất
- Lưu HS, VP, Tòa DS.
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Xuân